

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3027/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11/8/2022
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương
2. Ông Nguyễn Thành Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 661/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4770/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 1978

Thường trú: đường Q, Khu phố M, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Quách Công Y, sinh năm 1972

Thường trú: đường Q, Khu phố M, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày:

Bà D và ông Quách Công Y tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Tâm, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình vào ngày 13/02/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tự lập. Ban đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Khoảng thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung trong cuộc sống. Hai bên đã cố gắng hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Tuy vợ chồng sống chung 01 nhà nhưng không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ với nhau. Nay bà D xác định tình cảm vợ

chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn quan hệ vợ chồng nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Bà D và ông Y có 03 con chung tên Quách Thị Mai P, sinh ngày 19/3/2000, Quách Lê Phương L, sinh ngày 27/12/2005 và Quách Lê Linh H, sinh ngày 08/8/2012. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Quách Lê Phương L và Quách Lê Linh H, không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Quách Lê Phương L và Quách Lê Linh H. Riêng con chung tên Quách Thị Mai P đã thành niên.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Quách Công Y đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Tại phiên tòa:

Bà Lê Thị D có đơn xin vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án và xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Về quan hệ hôn nhân: Bà D yêu cầu được ly hôn với ông Y; Về con chung: Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Quách Lê Phương L và Quách Lê Linh H, không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Quách Lê Phương L và Quách Lê Linh H. Riêng con chung tên Quách Thị Mai P đã thành niên; Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Ông Quách Công Y đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1 Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4.2 Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị D yêu cầu được ly hôn với ông Quách Công Y. Theo Kết quả xác minh của Công an phường Linh Xuân, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn ông Y có cư trú tại đường Q, Khu phố M, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Nguyên đơn bà D có đơn xin được vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Bị đơn ông Y đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Y.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của bà D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D và ông Quách Công Y tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/02/1999 và được Ủy ban nhân dân xã Đồng Tâm, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyền số 01/99. Do đó, căn cứ Điều 5, 6, 7, 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông Y là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Xét thấy, trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, bà D cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông Y vì tình cảm vợ chồng đã không còn, vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương lẫn nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng giữa hai bên đã không còn tồn tại trên thực tế. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà D và ông Y đã thật sự trầm trọng, khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

[2.2] Về con chung:

Căn cứ Giấy khai sinh số 48, quyền số 01 ngày 14/4/2000 của Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Giấy khai sinh số 187/ĐKQH, quyền số 01/2006 ngày 06/6/2006 và Giấy khai sinh số 414/2012, quyền số 03/2012 của Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Y và bà D có 03 con chung tên Quách Thị Mai P, sinh ngày 19/3/2000, Quách Lê Phương L, sinh ngày 27/12/2005 và Quách Lê Linh H, sinh ngày 08/8/2012.

Xét 02 con chung tên Quách Lê Phương L và Quách Lê Linh H hiện đang sống với bà D và 02 cháu Quách Lê Phương L và Quách Lê Linh H đều có nguyện vọng được sống chung với bà D. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và cũng để ổn định cuộc sống của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung tên Quách Lê Phương L và Quách Lê Linh H cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Quách Lê Phương L và Quách Lê Linh H.

Riêng con chung tên Quách Thị Mai P đã thành niên

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn nên bà D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986;

- Căn cứ Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị D.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị D và ông Quách Công Y.

1.2 Về con chung: Bà Lê Thị D và ông Quách Công Y có 03 con chung tên Quách Thị Mai P, sinh ngày 19/3/2000, Quách Lê Phương L, sinh ngày 27/12/2005 và Quách Lê Linh H, sinh ngày 08/8/2012.

Giao 02 con chung tên Quách Lê Phương L và Quách Lê Linh H cho bà Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị D không yêu cầu ông Quách Công Y cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Quách Lê Phương L và Quách Lê Linh H.

Riêng con chung tên Quách Thị Mai P đã thành niên.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3 Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Đương sự xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0026267 ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị D và ông Quách Công Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND TP. Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức, TPHCM;
- Đương sự;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Châu